

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/DS-ST

Ngày: 22/4/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài
sản, hợp đồng thuê tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hiền, bà Trần Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S;

Địa chỉ: A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1995, địa chỉ: Quốc lộ E, ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1993;

Địa chỉ: A ấp A, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

(Ông C có mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh C trình bày:

Ngày 29/03/2025 bà Nguyễn Thị Thùy D có cầm cố tài sản với Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố ngày 29/3/2025 và thỏa thuận thuê tài sản ký ngày 29/03/2025 như sau: Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô, nhãn hiệu: PIAGGIO, loại: SPRINT ABS, biển số xe: 71G1-020.05, số khung:

RP8M82514NV062962, số máy: M82EM5136740, do Công an xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2023 cho bà Nguyễn Thị Thùy D, số tiền cầm cố: 24.627.659,57 đồng, thời hạn cầm cố: 18 tháng, mục đích để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân: 29/03/2025.

Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: Lãi suất cầm cố: bằng 1,1% số tiền cầm cố/tháng, phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0,5% số tiền cầm cố/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn, phí thuê xe đúng hạn là: 722.074,47 đồng/tháng và trễ hạn là 1.559.680,85 đồng/tháng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, nên bà D đã có đơn xin thuê lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung thỏa thuận thuê lại tài sản, thời gian thuê xe: 18 tháng từ ngày 29/03/2025 đến ngày 29/09/2026. Công ty đã đồng ý cho khách hàng thuê tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng cầm cố và thỏa thuận thuê tài sản, giấy tờ khác liên quan. Bà D có cam kết rõ ràng trong thỏa thuận thuê tài sản: “Hoàn trả lại tài sản thuê đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận” theo yêu cầu từ Công ty. Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Theo nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt; thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự 2015 quy định bên nhận cầm cố được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận.

Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên, khách hàng đã thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe được nêu trên và Công ty D ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ1 theo quy định. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty cổ phần S Có Ngay đã giải ngân cho khách hàng số tiền là: 24.627.659,57 đồng, theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số: ATM250301032NA22H ký ngày 29/03/2025, tuy nhiên đến nay bà D không thanh toán số tiền nào cho Công ty. Do đó, Công ty khởi kiện để yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D phải thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2026 là 47.051.760 đồng, trong đó tiền gốc là 24.627.660 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.338.008 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.586.980 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.062.731 đồng, phí thuê xe là 17.436.383 đồng. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Thùy D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng

cầm cố kể từ sau ngày 22/4/2026 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thùy D thanh toán xong nợ.

Công ty cổ phần S tự nguyện trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy Dương bản C1 giấy đăng ký xe mô tô số (71) 000698 do Công an xã A, tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2023 khi bà Nguyễn Thị Thùy D thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền. Công ty cổ phần S Có Ngay không yêu cầu về việc xử lý tài sản cầm cố, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D trả tiền cho Công ty.

Ngày 26/02/2026, nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay nộp đơn khởi kiện bổ sung với nội dung yêu cầu tuyên bố chấm dứt văn bản thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 giữa Công ty Cổ phần S có Ngay với bà Nguyễn Thị Thùy D. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện về việc tuyên bố chấm dứt văn bản thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 giữa Công ty Cổ phần S có Ngay với bà Nguyễn Thị Thùy D.

Bà Nguyễn Thị Thùy D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà D không đến Tòa án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay, buộc bà Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 22/4/2026 theo hợp đồng cầm cố tài sản và thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 là 47.051.760 đồng, đồng thời bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Công ty cổ phần S Có Ngay với mức lãi suất theo hợp đồng cầm cố ngày 29/3/2025 mà các bên đã ký kết. Tuyên bố chấm dứt thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 được ký kết giữa Công ty cổ phần S Có Ngay với bà Nguyễn Thị Thùy D. Ghi nhận Công ty cổ phần S tự nguyện trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy Dương bản C1 giấy đăng ký xe mô tô số (71) 000698 do Công an xã A, tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2023 khi bà Nguyễn Thị Thùy D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 2.353.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D phải trả nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản ngày 29/3/2026 và yêu cầu chấm dứt thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 nên được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại Điều 309, Điều 472 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D có địa chỉ tại xã P, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, bà D đã được án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] Xét hợp đồng cầm cố số ATM250301032NA22H ngày 29/3/2025 và thỏa thuận thuê tài sản ký ngày 29/03/2025 giữa Công ty cổ phần S Có Ngay với bà Nguyễn Thị Thùy D.

Theo hợp đồng cầm cố ngày 29/3/2025 thể hiện bà D đồng ý giao tài sản cho Công ty cổ phần S Có Ngay 01 xe mô tô, nhãn hiệu: PIAGGIO, loại: SPRINT ABS, biển số xe: 71G1-020.05, số khung: RP8M82514NV062962, số máy: M82EM5136740, do Công an xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2023 cho bà Nguyễn Thị Thùy D đứng tên chủ sở hữu; số tiền cầm cố là 24.627.659,57 đồng. Theo thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025, bà D đồng ý thuê lại tài sản là 01 xe mô tô nêu trên, thời hạn thuê từ ngày 29/3/2025 đến ngày 29/9/2026.

Xét về hình thức, hợp đồng cầm cố ngày 29/3/2026 do đại diện Công ty cổ phần S Có Ngay xác lập với bà D, Hội đồng xét xử xét thấy, hình thức giao dịch này phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự. Xét về nội dung của hợp đồng thể hiện bà D có cầm cố 01 xe mô tô, biển kiểm soát 71G1-020.05 do bà D đứng tên cho Công ty cổ phần S Có Ngay với số tiền 24.627.659,57 đồng. Tại phụ lục hợp đồng ngày 29/3/2025 có nội dung thể hiện bên Công ty cổ phần S Có Ngay được quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không phải hoàn trả các hoa lợi, lợi tức cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt, đồng thời Công ty cổ phần S Có Ngay và bà D ký thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 về việc cho bà D thuê lại xe mô tô này để sử dụng, do đó có cơ sở khẳng định giao dịch về cầm cố tài sản ngày 29/3/2025 và thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 giữa Công ty cổ phần S Có Ngay và bà D là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, việc các bên ký thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 là hoàn toàn phù hợp với Điều 311, Điều 314 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình cầm cố, bà **D** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho bên nhận cầm cố là **Công ty cổ phần S** Có Ngay theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố ngày 29/3/2025 và thỏa thuận tại hợp đồng thuê tài sản ngày 29/3/2026, do đó **Công ty cổ phần S** Có Ngay khởi kiện để yêu cầu bà **D** trả số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2026 là 47.051.760 đồng, trong đó tiền gốc 24.627.660 đồng, tiền lãi trong hạn 2.338.008 đồng, nợ lãi quá hạn 1.586.980 đồng, phí quản lý hồ sơ 1.062.731 đồng, phí thuê xe 17.436.383 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Đối với phần tiền lãi **Công ty cổ phần S** Có Ngay yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cầm cố từ ngày 23/4/2026 đến khi bà **D** trả tất nợ cho **Công ty cổ phần S** Có Ngay là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Xét nội dung thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 giữa **Công ty cổ phần S** Có Ngay với bà **Nguyễn Thị Thùy D**, tại Điều 8 quy định thỏa thuận chấm dứt khi có yêu cầu chấm dứt thỏa thuận từ **Công ty cổ phần S** Có Ngay hoặc khách hàng. Trong quá trình tố tụng, **Công ty cổ phần S** có yêu cầu cầu chấm dứt thỏa thuận thuê tài sản là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] **Công ty cổ phần S** tự nguyện trả lại cho bà **Nguyễn Thị Thùy Dương bản C1** giấy đăng ký xe mô tô số (71) 000698 do **Công an xã A**, tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2023 khi bà **Nguyễn Thị Thùy D** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên ghi nhận.

[6] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà **D** không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần S** Có Ngay cũng như không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà **D** không có mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía **Công ty cổ phần S** Có Ngay, bà **D** phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà **D** phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.353.000 đồng và bà **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng đối với yêu cầu chấm dứt thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 117, 119, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 472 và Điều 463 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty cổ phần S**, cụ thể tuyên:

Buộc bà **Nguyễn Thị Thùy D** có nghĩa vụ trả cho **Công ty cổ phần S** Có Ngay số tiền tính đến ngày 22/4/2026 theo hợp đồng cầm cố tài sản ngày 29/3/2025 và thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 là 47.051.760 (bốn mươi bảy triệu, không trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi) đồng, trong đó tiền gốc 24.627.660 (hai mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng) đồng, tiền lãi trong hạn 2.338.008 (hai triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, không trăm lẻ tám) đồng, nợ lãi quá hạn 1.586.980 (một triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi) đồng, phí quản lý hồ sơ 1.062.731 (một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi một) đồng, phí thuê xe 17.436.383 (mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi ba) đồng.

Tuyên bố chấm dứt thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/3/2025 được ký kết giữa **Công ty cổ phần S** Có Ngay với bà **Nguyễn Thị Thùy D**.

2. Kể từ ngày 23/4/2026, bà **Nguyễn Thị Thùy D** có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho **Công ty cổ phần S** Có Ngay với mức lãi suất theo hợp đồng cầm cố ngày 29/3/2025 mà các bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho **Công ty cổ phần S** Có Ngay.

3. Ghi nhận **Công ty cổ phần S** tự nguyện trả lại cho bà **Nguyễn Thị Thùy Dương bản C1** giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71 000698 do **Công an xã A**, tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2023 khi bà **Nguyễn Thị Thùy D** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Thùy D** phải chịu 2.353.000 (hai triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, như vậy bà **D** phải nộp tổng cộng là 2.653.000 (hai triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho **Công ty cổ phần S** Có Ngay tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

1.080.000 (một triệu, không trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0010215 ngày 21/11/2025 và biên lai số 0003571 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi